BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

PHÒNG KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI GIỮA KỲ

Học kỳ 2 - Năm học : 2017-2018

Môn học : Business English - 1105038 Giám thị 1:_____ Ký tên:_____

Mã lớp học phần: 110503801 **Số tín chỉ: 3** Giám thị 2:_____ Ký tên:_____

Giảng viên giảng dạy: Trương Thị Ngọc Thu Giám thị 3:_____ Ký tên:_____

Ngày thi: _____ **Giờ thi:** _____ **Phòng thi:** _____ Giám thị 4:_____ Ký tên:_____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	1610130062	Ngô Phương	Anh	29/08/1997		2,0	Hai không	C18TA	Nợ HP
2	1610130034	Nguyễn Huỳnh Ngọc	Anh	11/05/1998		8,7	Tám bảy	C18TA	Nợ HP
3	1610130033	Cao Thị Thúy	Hằng	06/03/1998		4,0	Bốn không	C18TA	
4	1610130068	Đặng Thị Thảo	Hiền	20/12/1998		3,0	Ba không	C18TA	
5	1610130041	Thới Thị Kim	Hương	14/07/1998				C18TA	Nợ HP
6	1510130048	Lê Ngọc Khánh	Linh	20/07/1997		7,5	Bảy năm	C17TA	Nợ HP
7	1610130059	Đặng Đại	Lộc	19/6/1998		6,0	Sáu không	C18TA	
8	1610130035	Lợi Thị Ngọc	Mai	16/11/1998		5,5	Năm năm	C18TA	
9	1610130049	Nguyễn Thị Thùy	Như	26/09/1998		6,5	Sáu năm	C18TA	
10	1610130044	Huỳnh Thị Kiều	Oanh	19/04/1998		7,7	Bảy bảy	C18TA	Nợ HP
11	1610130056	Phạm Thị Phương	Thảo	08/02/1996				C18TA	Nợ HP
12	1610130043	Lê Thị Thanh	Thúy	05/10/1998		5,5	Năm năm	C18TA	
13	1610130064	Nguyễn Kim	Tiên	18/11/1998		3,0	Ba không	C18TA	
14	1510130046	Nguyễn Thị Thủy	Tiên	17/08/1997		9,0	chín không	C17TA	
15	1410130030	Phan Thị Cẩm	Tiên	19/9/1996		6,0	Sáu không	C16TA	
16	1610130050	Hoàng Thị Phương	Trinh	21/02/1998				C18TA	Nợ HP
17	1610130071	Phan Ngọc Đoan	Trinh	07/06/1997		7,8	Bảy tám	C18TA	Nợ HP
18	1610130046	Trương Hạnh	Túc	06/07/1998		4,5	Bốn năm	C18TA	

Lưu ý: - *Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*

- *Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.*

Tổng số sinh viên dự thi : 15 **vắng thi:** 3 **. Số bài thi/Số tờ:** 15 / 15 .

Số sinh viên đạt/không đạt:_____/_____ **Tỷ lệ đạt:**_____,____%

Ngày 11 tháng 6 năm 2018
TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN
(ký & ghi rõ họ tên)

Nguyễn Lê Phương Oanh

Ngày 6 tháng 4 năm 2018
GIÁO VIÊN CHẤM THI
(ký & ghi rõ họ tên)

Trương Thị Ngọc Thu

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHÒNG KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ

Học kỳ 2 - Năm học : 2017-2018

Môn học : Business English - 1105038
Mã lớp học phần: 110503801 **Số tín chỉ: 3**
Giảng viên giảng dạy: Trương Thị Ngọc Thu
Ngày thi: 09/05/2018 **Giờ thi: 13h30** **Phòng thi: A1.7**

Giám thị 1: Trương T. N. Thu Ký tên:
Giám thị 2: Trần Phú Dư Ký tên:
Giám thị 3: Ký tên:
Giám thị 4: Ký tên:

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	1610130062	Ngô Phương	**Anh**	29/08/1997					C18TA	
2	1610130034	Nguyễn Huỳnh Ngọc	**Anh**	11/05/1998			7,0	Bảy không	C18TA	
3	1610130033	Cao Thị Thúy	**Hằng**	06/03/1998			5,6	Năm sáu	C18TA	
4	1610130068	Đặng Thị Thảo	**Hiền**	20/12/1998			3,0	Ba không	C18TA	
5	1610130041	Thới Thị Kim	**Hương**	14/07/1998					C18TA	Nợ HP
6	1510130048	Lê Ngọc Khánh	**Linh**	20/07/1997			6,6	Sáu sáu	C17TA	
7	1610130059	Đặng Đại	**Lộc**	19/6/1998			5,0	Năm không	C18TA	
8	1610130035	Lợi Thị Ngọc	**Mai**	16/11/1998			4,4	Bốn bốn	C18TA	
9	1610130049	Nguyễn Thị Thùy	**Như**	26/09/1998			4,7	Bốn bảy	C18TA	
10	1610130044	Huỳnh Thị Kiều	**Oanh**	19/04/1998			5,2	Năm hai	C18TA	
11	1610130056	Phạm Thị Phương	**Thảo**	08/02/1996					C18TA	Nợ HP
12	1610130043	Lê Thị Thanh	**Thúy**	05/10/1998			5,7	Năm bảy	C18TA	
13	1610130064	Nguyễn Kim	**Tiên**	18/11/1998			4,6	Bốn sáu	C18TA	
14	1510130046	Nguyễn Thị Thủy	**Tiên**	17/08/1997			7,7	Bảy bảy	C17TA	
15	1410130030	Phan Thị Cẩm	**Tiên**	19/9/1996			4,3	Bốn ba	C16TA	
16	1610130050	Hoàng Thị Phương	**Trinh**	21/02/1998					C18TA	Nợ HP
17	1610130071	Phan Ngọc Đoan	**Trinh**	07/06/1997			5,1	Năm một	C18TA	
18	1610130046	Trương Hạnh	**Túc**	06/07/1998			4,7	Bốn bảy	C18TA	

Lưu ý: *- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 14 **vắng thi:** 04 **. Số bài thi/Số tờ:** 14 / 14 .

Số sinh viên đạt: _____ **Tỷ lệ đạt:** _____ **%**

Ngày 11 *tháng* 6 *năm* 2018
TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN
(ký & ghi rõ họ tên)

Nguyễn Lê Phương Oanh

Ngày 20 *tháng* 5 *năm* 2018
GIÁO VIÊN CHẤM THI
(ký & ghi rõ họ tên)

Trương Thị Ngọc Thu